

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày: 31/8/2020

V/v kiện đòi tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu; Ông Phạm Đình Bông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hường, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Nông Quốc Hùng, chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST-DS, ngày 04/3/2020, về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS, ngày 10/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Th1

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Đồng Th2

Địa chỉ: Bon R, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Bà Trần Thị Tr

Anh Nguyễn Văn H

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người được bà Tr, anh H ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Th.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2020 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 09/3/2020), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Th trình bày: Vào năm 2016 UBND xã N, huyện K có giao cho ông Nguyễn Đồng Th2 quản lý một thửa đất quy hoạch làm bãi rác của xã với diện tích khoảng 4ha. Diện tích đất trên gia đình ông Th1 đã bỏ công phát dọn trong thời gian 01 tháng, khi phát dọn có ông Th1, vợ và con trai ông Th1 là bà Trần Thị Tr và anh

Nguyễn Văn H. Ông Th2 có nói với ông Th1 là phát dọn cây lô ô để san ủi mặt bằng mặt bãi đổ rác, ông Th1 được phép trồng hoa màu trên đất, việc thỏa thuận giữa ông Th1 và ông Th2 chỉ thỏa thuận miệng. Ban đầu ông Th1 trồng cây mè, sau đó ông Th1 có trồng 100 cây điều, 450 cây cà phê và cây hoa màu trên đất. Đến cuối năm 2016 Công ty L được phép quản lý bãi rác nên phía công ty có thanh toán tiền phát dọn và hỗ trợ cây trồng trên đất với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Số tiền trên ông Th2 nhận mà không thanh toán cho Th1 được khoản tiền nào, nhiều lần ông Th1 yêu cầu ông Th2 trả tiền công phát dọn và tiền cây giống nhưng ông Th2 không thanh toán.

Nay ông Nguyễn Xuân Th1 yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đồng Th2 phải trả lại cho ông Th1 số tiền công phát dọn và tiền được hỗ trợ cây trồng trên đất mà Công ty L đã hỗ trợ là 40.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Đồng Th2 trình bày: Vào năm 2015, Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông có giao cho Th2 một lô đất có diện tích khoảng 04 ha tại thôn R, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông để làm bãi rác của xã thì ông Th1 có nói với ông Th2 để ông Th1 phát dọn trồng hoa màu, thu nhập được hai chú cháu chia đôi nên ông Th2 đồng ý. Năm 2017, Ủy ban nhân dân xã N, huyện K đã lấy lại đất và giao cho công ty L để làm bãi đổ rác. Khi Ủy ban xã lấy lại đất thì Công ty L có thanh toán cho ông Th2 40.000.000 đồng tiền công phát dọn bãi rác, ông Th2 đã nhận số tiền. Số tiền 40.000.000 đồng này là tiền công khai phá, không có tiền hỗ trợ cây trồng trên đất. Sau khi nhận được tiền ông Th2 không đưa cho ông Th1 khoản nào, do khi cho ông Th1 mượn đất thì giữa ông Th2 và ông Th1 có thỏa thuận ông Th1 dọn dẹp và trồng hoa màu, toàn bộ hoa màu trên đất khi thu hoạch sẽ chia đôi, nhưng khi thu hoa màu ông Th1 không chia cho Th2 hoa lợi, lợi tức được thu hoạch trên đất nên khi nhận tiền công phát dọn bãi rác của Công ty L ông Th2 không đưa tiền cho ông Th1.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Th1 yêu cầu Tòa án buộc ông Th2 phải trả số tiền 40.000.000 đồng thì ông Th2 không chấp nhận. Tuy nhiên nghĩ về mặt tình cảm thì ông Th2 sẽ trả cho ông Th1 10.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tr và anh Nguyễn Văn H trình bày: Vào năm 2016 ủy ban nhân dân huyện Krông Nô giao cho ông Nguyễn Đồng Th2 quản lý bãi rác của xã với diện tích là 04 ha. Sau đó ông Th2 có nói với ông Th1 là phát dọn cây lô ô để san ủi mặt bằng mặt bãi đổ rác, gia đình chúng tôi được phép trồng hoa màu trên đất, việc thỏa thuận giữa ông Th1 và ông Th2 chỉ thỏa thuận miệng. Sau đó ông Th1 có trồng cây điều, cà phê và cây hoa màu trên đất. Đến khoảng cuối năm 2016 Công ty L được phép quản lý bãi rác nên phía Công ty có thanh toán tiền phát dọn và hỗ trợ cây trồng trên đất với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Số tiền trên ông Th2 nhận mà không thanh toán cho gia đình chúng tôi được khoản tiền nào cả, nhiều lần ông Th1 yêu cầu ông Th2 trả tiền công phát dọn và tiền cây giống nhưng ông Th2 không thanh toán. Nay chúng tôi đồng ý với ý kiến của ông Th1 yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đồng Th2 phải trả lại số tiền 40.000.000 đồng cho ông Th1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các

trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại Điều 70; 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Th1.

Về án phí: Buộc ông Th1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Xuân Th1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đồng Th2 phải trả lại số tiền mà ông Th2 nhận của Công ty L hỗ trợ công phát dọn và hỗ trợ cây trồng trên đất với số tiền là 40.000.000 đồng. Vì vậy quan hệ tranh chấp “Kiện đòi tài sản”. Tại thời điểm thụ lý vụ án, ông Nguyễn Đồng Th2 có nơi cư trú tại thôn R, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Xuân Th1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đồng Th2 phải trả lại 40.000.000 đồng. Trong đó tiền công phát dọn bãi rác là 20.000.000 đồng và tiền hỗ trợ cây trồng trên đất là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 40.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Vào năm 2015 Ủy ban nhân dân xã N có giao cho ông Nguyễn Đồng Th2 trong coi bãi rác có diện tích khoảng 04ha. Sau đó ông Th2 có trao đổi với ông Nguyễn Xuân Th1 để ông Th1 phát dọn bãi rác và ông Th1 trồng hoa màu trên đất. Gia đình ông Th1 đã phát dọn toàn bộ khu vực bãi rác và có trồng cây cà phê và cây điều trên đất. Khi thỏa thuận giao cho ông Th1 phát dọn bãi rác để trồng hoa màu thì giữa ông Th2 và ông Th1 không có thỏa thuận về việc sau này nếu được trả tiền phát dọn bãi rác thì sẽ phân chia như thế nào. Thực tế hiện nay ông Th1 vẫn đang canh tác trên phần diện tích mà Công ty L chưa đổ rác. Vì vậy yêu cầu này của ông Nguyễn Xuân Th1 không được chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Đồng Th2 phải trả lại số tiền 40.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Đồng Th2 tự nguyện trả cho ông Nguyễn Xuân Th1 số tiền 10.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Th2.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 11 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Th1.
2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Đồng Th2 trả cho ông Nguyễn Xuân Th1 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Xuân Th1 phải nộp 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Th1 đã nộp với số tiền 1.000.000 đồng. Ông Th1 còn phải nộp 1.000.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Ông Nguyễn Đồng Th2 phải nộp 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Tím